

Số: 428 /TTYT-KDVTBYYT
V/v yêu cầu báo giá vật tư, hóa
chất, sinh phẩm

Chi Lăng, ngày 14 tháng 8 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để đơn vị tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán Mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng

Địa chỉ: Thôn Hòa Bình I – Xã Chi Lăng – tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0205 3820511

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm nhận báo giá

Bà: Vy Thị Khánh Ly

Chức vụ: Trưởng Khoa Dược – vật tư, TBYT

Điện thoại: 0986899635 Email: Chilangduoc@gmail.com

3.Cách thức tiếp nhận báo giá

Tiếp nhận báo giá theo cách thức sau:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ:* Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng

Địa chỉ: Thôn Hòa Bình I – Xã Chi Lăng – tỉnh Lạng Sơn

- *Nhận qua email:* Bản scan và file mềm vui lòng gửi về địa chỉ Email:

Chilangduoc@gmail.com

4. Thời gian nhận báo giá từ 15h00 ngày 14/8/2026 đến trước 17h ngày 24/8/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối đa không quá 90 ngày, kể từ ngày 24/8/2026 kết thúc nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hoá:

(Chi tiết tại Phụ lục 2,3,4 kèm theo)

Ghi chú:

- *Thông số kỹ thuật nêu tại phụ lục là thông số kỹ thuật tham khảo. Các đơn vị báo giá có thể báo giá hàng hoá có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương.*

- Các nhà cung cấp được quyền báo giá một, một số hoặc toàn bộ các mặt hàng thuộc danh mục tại Phụ lục kèm theo. Việc nhà cung cấp không báo giá đối với một hoặc một số mặt hàng không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của báo giá đối với các mặt hàng đã tham gia báo giá. Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng xem xét, tổng hợp báo giá theo từng mặt hàng để làm cơ sở xác định giá dự toán và thực hiện các bước mua sắm theo quy định.

2. Địa điểm cung cấp, vận chuyển, bảo quản:

- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng

Địa chỉ: Thôn Hòa Bình I – Xã Chi Lăng – tỉnh Lạng Sơn

- Các yêu cầu về vận chuyển, bảo quản:

+ Hàng mới 100% còn nguyên đai, nguyên kiện, không bị hư hao trong quá trình vận chuyển

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Ngay sau khi có kết quả trúng thầu và ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng

- Thanh toán: Thời gian thanh toán theo điều khoản trong hợp đồng. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản

Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng trân trọng kính mời các quý nhà thầu nộp báo giá và gửi kèm theo Hồ sơ năng lực liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Website TTYT;
- muasamcong.mpi.gov.vn;
- Lưu: VT, KD-VT, TBYT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Cơ



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 428 /TTYT-KDVTTBYT ngày 14/8/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Khu vực Chi Lăng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng, chúng tôi, Công ty.....có địa chỉ tại..... xin gửi báo giá theo yêu cầu như sau:

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Hãng sản xuất – Nước sản xuất	Số Công bố lưu hành sản phẩm	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)

(Báo giá này có hiệu lực 90 ngày, kể từ ngày báo giá)

....., ngày.....tháng.....năm 2026

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)



PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 428 /TTYT-KDVTTBYT ngày 14 /8/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Băng bó bột 10cm x 3,6m hoặc tương đương	Chất liệu: Bột liền gạc, lõi nhựa vỏ là giấy bạc chống ẩm. Có độ thấm nước tốt và cứng bột nhanh, mịn. Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 3,6\text{m}$	Cuộn	400	
2	Băng bó bột 15cm x 3,6m hoặc tương đương	Chất liệu: Bột liền gạc, lõi nhựa vỏ là giấy bạc chống ẩm. Có độ thấm nước tốt và cứng bột nhanh, mịn. Kích thước $\geq 15\text{cm} \times 3,6\text{m}$	Cuộn	200	
3	Băng cuộn y tế to hoặc tương đương	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước $\geq 5\text{gr}$ nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $<0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng giấy.	Cuộn	3.500	
4	Băng dính lụa 2,5cm x5m hoặc tương đương	Băng keo lụa Nền Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate đánh thành cuộn, trọng lượng $80 \pm 3\text{ g/m}^2$, đan dệt 44.0×19.5 sợi/cm. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Chất phủ nền trọng lượng khối phủ 50 - 60 g/m ² , lực dính 1.8 - 5.5 N/cm. Kích thước $\geq 2,5\text{cm} \times 5\text{m} - 0\%$. Kiểm tra vi sinh Tổng số vi sinh hiếu khí TAMC $\leq 100\text{ cfu/g}$, Tổng số men và nấm mốc TYMC $\leq 10\text{ cfu/g}$.	Cuộn	1.500	
5	Băng dính lụa 5cm x5m hoặc tương đương	Phần nền: Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi $44 \times 18/\text{cm}^2$. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. - Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Lõi: liền với cánh bảo vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn. - Kích thước đúng: $5\text{cm} \times 5\text{m}$. - Nguyên liệu được nhập khẩu trực tiếp từ Châu Âu.O12	Cuộn	1.720	
6	Băng dính UGO hoặc tương đương	Chiều dài 19mm x 72mm, chất liệu vải co giãn, đóng gói: 100 cái/ hộp	Hộp	130	
7	Băng keo hấp nhiệt trong y tế hoặc tương đương	Kích thước $\geq 1,25\text{cm} \times 55\text{m}$; Thành phần: keo, hóa chất hấp thụ nhiệt, cao su khô tự nhiên.	Cuộn	30	
8	Băng chun hoặc tương đương	Làm từ sợi Cotton se tròn kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 4,5\text{m}$	Cuộn	50	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Bơm cho ăn 50ml hoặc tương đương	Xy lanh 50ml: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng, đốc to lắp vừa dây cho ăn. - Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	130	
10	Bơm tiêm điện 50ml hoặc tương đương	Bơm tiêm nhựa 50ml look (chiều dài bơm 150.5mm, chu vi thân bơm 31.4mm). Sử dụng phù hợp với máy bơm tiêm điện các hãng máy bơm tiêm điện Terumo, Top, Bbraun. Không kim, đầu luer lock, Sử dụng chất liệu nhựa dùng trong y tế, pittong khít. Không phủ dầu silicone, giảm thiểu sự hình thành hạt trong thuốc. Có vạch chia rõ nét, chịu được áp lực cao	Cái	100	
11	Bơm tiêm nhựa 10ml hoặc tương đương	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	89.000	
12	Bơm tiêm nhựa 1ml hoặc tương đương	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, bơm tiêm đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	81.750	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
13	Bơm tiêm nhựa 20ml hoặc tương đương	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Gioăng bề mặt phẳng, di chuyển dễ dàng, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không rỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	2.270	
14	Bơm tiêm nhựa 3ml hoặc tương đương	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	1.000	
15	Bơm tiêm nhựa 5ml hoặc tương đương	- Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế, khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	76.000	
16	Bộ hoá chất nhuộm Gram hoặc tương đương	Bộ gồm 4 chai x 100ml, gồm Safranine, Crytal violet, Alcohol, Lugol.	Bộ	5	
17	Bông thấm nước hoặc tương đương	Sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, màu trắng, mềm và không mùi, dễ hút ẩm, khó tan trong nước.	Kg	215	
18	Canuyn mayor các cỡ hoặc tương đương	Không gây độc, không gây kích ứng, tiệt trùng bằng khí EO, có hộp bảo vệ, sử dụng một lần. Các cỡ: 2; 3; 4	Cái	40	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
19	Canuyn ngáng miệng dùng cho nội soi tiêu hóa trên(Olympus) hoặc tương đương	Chất liệu nhựa y tế, không độc, không gây kích ứng niêm mạc. Thiết kế có lỗ trung tâm phù hợp để đưa ống nội soi qua. Có vành cản chắc chắn, giúp hạn chế người bệnh cắn vào ống nội soi. Bề mặt nhẵn, các cạnh bo tròn, hạn chế tổn thương môi, răng và niêm mạc miệng. Có dây đeo hoặc bộ phận cố định phù hợp để giữ canuyn trong quá trình thực hiện thủ thuật. Sử dụng cho người lớn hoặc tương đương với hệ thống nội soi tiêu hóa trên thông dụng. Tiệt khuẩn hoặc không tiệt khuẩn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Sử dụng một lần hoặc tái sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Tương thích với các ống soi tiêu hóa trên đường kính thông dụng từ 9 mm đến 13 mm hoặc tương đương.	cái	4	
20	Chỉ catgut số 1 HR 40s hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Catgut chromic-Unigut, đa sợi, tiệt trùng bằng EO, tan trong vòng 70 ngày; chỉ dài $\geq 75\text{cm}$, kim tròn heavy $1/2 \leq 45\text{mm}$	Sợi	500	
21	Chỉ catgut số 2 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Catgut Chromic, số 2, giảm sức căng từ 18-21 ngày, dài $\geq 150\text{cm}$, kim tròn lớn cong $1/2$ dài 45mm	Sợi	200	
22	Chỉ line Pháp hoặc tương đương	Cuộn dài 360m	Cuộn	3	
23	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 2/0 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi polyamide 6 (Nylon), dài $\geq 76\text{cm}$, mũi kim tam giác $3/8$ dài 24mm .	Sợi	60	
24	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 3/0 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi polyamide 6 (Nylon), dài $\geq 76\text{cm}$, kim tam giác $3/8$ 24mm	Sợi	400	
25	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 4/0 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi polyamide 6 (Nylon), dài $\geq 75\text{cm}$, kim tam giác $3/8$ kim dài 16mm	Sợi	200	
26	Chỉ polypropylene số 1 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi-Unilene, dài $\geq 90\text{cm}$, kim tròn $1/2$ dài 40mm	Sợi	12	
27	Chỉ polypropylene số 3/0 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi polypropylene số 3/0, dài $\geq 90\text{cm}$, kim tròn $1/2$ dài 25mm	Sợi	60	
28	Chỉ polypropylene số 4/0 hoặc tương đương	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene-unilene, dài $\geq 90\text{cm}$, kim tròn CV-24, dài 20mm , 2 kim, độ cong của kim $1/2$ vòng tròn.	Sợi	90	
29	Chỉ polypropylene số 5/0 hoặc tương đương	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene-unilene, dài $\geq 75\text{cm}$, kim $1/2\text{c}$, dài kim 17mm	Sợi	54	
30	Chỉ Surgicryl 910 số 2 hoặc tương đương	Chỉ Polyglactine 910 dài $\geq 90\text{cm}$, kim tròn $1/2$ dài 40mm	Sợi	60	
31	Chỉ Surgicryl 910 số 2/0 hoặc tương đương	Chỉ Polyglactine 910 dài $\geq 75\text{cm}$, kim tròn $1/2$ dài 26mm	Sợi	200	
32	Chỉ Surgicryl 910 số 3/0 hoặc tương đương	Chỉ Polyglactine 910 dài $\geq 75\text{cm}$, kim tròn $1/2$ dài 26mm	Sợi	300	
33	Chỉ thép liên kim số 5V40 hoặc tương đương	Được làm từ hợp kim sắt nghèo carbon, dài $\geq 45\text{cm}$; Số 5V40	Sợi	60	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
34	Cốc đựng đờm hoặc tương đương	Sử dụng 1 lần , chất liệu nhựa PVC	Cái	850	
35	Cồn 70 độ hoặc tương đương	Cồn dùng trong y tế, Độ cồn thực đạt 70% được dụng.. Dung tích $\geq 500\text{ml}$	Chai	1.472	
36	Cồn 90 độ hoặc tương đương	Cồn dùng trong y tế, Độ cồn thực đạt 90% Ethanol. Đóng chai $\geq 500\text{ml}$	Chai	155	
37	Cồn tuyệt đối hoặc tương đương	Nồng độ Ethanol $\geq 99,5\%$. Đóng chai 500ml	Chai	20	
38	Cidezym hoặc tương đương	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, thành phần: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ - Tương thích với nhiều loại dụng cụ. Đóng gói: ≥ 1 lít	Chai	35	
39	Dầu Parafin 5ml hoặc tương đương	Thành phần Parafin: 5ml 50 ống/hộp	Ống	320	
40	Dầu Parafin hoặc tương đương	Dạng dầu nền sử dụng trong y tế, không mùi, không tan trong nước và cồn	Lít	10	
41	Dầu sả hoặc tương đương	Màu vàng, màu hơi nâu có mùi thơm.Hàm lượng Citronellal (6-octenal,3,7-dimethyl) đạt 24,96%	Lít	270	
42	Dây ga rô tĩnh mạch hoặc tương đương	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác hoặc có khóa nhựa. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần.Sản phẩm có độ co giãn tốt, các góc cạnh không được sắc, cứng gây trầy xước da, dị ứng, làm sưng rát , đỏ đau trong quá trình sử dụng.	Cái	137	
43	Dây hút nhót số 6 hoặc tương đương	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	323	
44	Dây hút nhót số 8 hoặc tương đương	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	313	
45	Dây hút nhót số 12 hoặc tương đương	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	170	
46	Dây hút nhót số 14 hoặc tương đương	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	220	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
47	Dây khí dung cho trẻ em hoặc tương đương	Chất liệu PVC trong suốt, sử dụng cho trẻ em. Có bầu khí dung	Cái	11	
48	Dây thở o xy mắt kính các cỡ hoặc tương đương	Dây dẫn chiều dài $\geq 2\text{m}$ được sản xuất từ Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. - Gồm các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. - sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	930	
49	Dây truyền dịch hoặc tương đương	Kim thường 22G; có khóa Luer Lock; dây dài $\geq 150\text{cm}$. Buồng nhỏ giọt có kích thước: 46,5mm $\pm$ 0,5mm. Bộ lọc có kích thước $\varnothing 12.8$, Micron: 15um Nylon. Ống có kích thước: 150cm ID/OD: 2,9mm/4,0mm. Vô trùng, không độc, chỉ sử dụng một lần.	Bộ	10.270	
50	Dây truyền dịch hoặc tương đương	Dây truyền dịch, Buồng 20 giọt, cổng tiêm thuốc chữ Y Màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Màng lọc vi khuẩn $\leq 0,2\mu\text{m}$ tại van thông khí Dây dài $\geq 180\text{cm}$. Chất liệu PVC Đầu nối vặn xoắn chống rò rỉ; Khóa lăn chỉnh giọt Chịu áp lực lên tới 3bar	Bộ	900	
51	Dây truyền máu hoặc tương đương	Dây truyền máu (Terufusion Blood Administration Set) được sản xuất theo công nghệ Teruflex (Công nghệ chuyên dụng cho sản xuất túi máu). Dây dài $\geq 180\text{cm}$, màng lọc siêu nhỏ với kích thước lỗ lọc từ 175- 210 μm . Tốc độ dòng chảy ≥ 20 giọt/mL. Không chứa chất độc hại (nontoxic), không chứa chất gây sốt (non pyrogenic), khóa hãm bằng nhựa trong dễ quan sát. Chất liệu dây: Vinyl Chloride, có kim truyền không cánh cỡ 18G, thành mỏng, phủ silicon, độc kim trong suốt tiệt trùng	Bộ	130	
52	Dây xông dạ dày cỡ 6 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	22	
53	Dây xông dạ dày cỡ 8 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	5	
54	Dây xông dạ dày cỡ 10 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	7	
55	Dây xông dạ dày cỡ 12 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	80	
56	Dây xông dạ dày cỡ 14 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	110	
57	Dây xông dạ dày cỡ 16 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	120	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
58	Dây xông dạ dày cỡ 18 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số dễ nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	10	
59	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh hoặc tương đương	Thành phần: Ethanol 80%, Isopropanol 7.2%, Chlorhexidine gluconate 0.5%, chất bảo vệ, dưỡng da và hương liệu. Chai 500ml	Chai	30	
60	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ hoặc tương đương	Thành phần: Glutaraldehyde (GTA): 2,5% (w/w). Độ pH = 7 - 8. Can 5 Lit	Can	6	
61	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nhanh hoặc tương đương	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần -Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8.trong vòng 14 ngày.Thời gian bảo quản dung dịch trong can ≥ 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được ≥ 75 ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Tric khuẩn lao (Mycobacterium bovis). - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz.). Đóng can ≥ 5 lít	Can	40	
62	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ, hỗn hợp 5 enzyme hoặc tương đương	Enzyme protease: 0.5% (w/w), lipase: 0.2%, amylase: 0.15% (w/w), cellulase : 0.05% (w/w), mannanase : 0.05% (w/w) Chai 1 lít	Chai	5	
63	Đầu côn vàng hoặc tương đương	Sử dụng cùng Micropipet để hút các mẫu chất lỏng. Sản phẩm sử dụng một lần Được sản xuất bằng nhựa PP không chứa kim loại.	Cái	10.000	
64	Đầu côn xanh hoặc tương đương	Sử dụng cùng Micropipet để hút các mẫu chất lỏng. Sản phẩm sử dụng một lần. Được sản xuất bằng nhựa PP không chứa kim loại.	Cái	4.000	
65	Đề lưỡi gỗ vô khuẩn hoặc tương đương	Vô khuẩn, bằng gỗ tự nhiên, chiều dài ≥ 150 mm, chiều rộng ≥ 20 mm, độ dày khoảng 2mm	Cái	4.500	
66	Điện cực tim hoặc tương đương	Loại dùng cho người lớn, đường kính 50mm, loại dùng cho trẻ em, đường kính 30mm, loại Foam màu trắng	Cái	2.900	
67	Gạc phẫu thuật không dệt hoặc tương đương	100% cotton; Mật độ 18-26 sợi/inch; Trọng lượng 25-30gr/m ² ; Độ thấm hút không quá 8 giây; Độ ngậm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc; Độ PH: trung tính; Hàm lượng chất béo : không vượt quá 0,5%; Độ ẩm khô: không vượt quá 0,5%; Tiệt trùng bằng khí EO	Gói	300	
68	Gạc mềm hoặc tương đương	Được làm từ 100% sợi cotton - Khả năng thấm hút cao và nhanh - Mềm mại, mịn màng không gây kích ứng da - Thân thiện với môi trường	Mét	22.650	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
69	Găng sạch hoặc tương đương	Găng được làm bằng cao su thiên nhiên 60%HA. Chiều dài găng các số 24+-5 cm .Độ dày các cỡ 0,22+-0,05mm .Trọng lượng cỡ XS(4,6+-0,5g) S(5,2+-0,5g)M(5,5+-0,5g)L(6,2+-0,5g)	Đôi	45.100	
70	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ hoặc tương đương	Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số từ 270mm-280mm; độ giãn dài tối thiểu trước lão hoá từ 700-750% và độ giãn dài tối thiểu sau lão hoá từ 550-560%. Độ dai tối thiểu trước khi dùng từ 21-24MPa và độ dai tối thiểu sau khi dùng từ 16-18MPa	Đôi	3.610	
71	Gel siêu âm hoặc tương đương	Cảm quan trong, đồng nhất, tan hoàn toàn trong nước. Độ PH (dung dịch 20% trong nước): 4,0-8,0. Giới hạn arsen không lớn hơn 10 pmm. Không có Formaldehyd, không kích ứng da.	Can	35	
72	Giấy điện tim 6 cần hoặc tương đương	Dạng thép (FQW110-2-140)	Thép	200	
73	Giấy in nhiệt 58mmx30mm hoặc tương đương	Kích thước 58MM X 30M X 16MM	Cuộn	50	
74	Giấy in monitor tim thai hoặc tương đương	Thép 150 mm x 100 mm x 150 sheet	Thép	20	
75	Hemolok hoặc tương đương	Có khóa. Đóng nhanh, hiệu quả, an toàn. Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô. Kẹp được mạch máu cỡ 7 mm đến 16 mm. Nguyên liệu: Polymer.	Cái	500	
76	Kẹp rón nhựa hoặc tương đương	Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, không chứa DEHP, không gây độc, không gây kích ứng. Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng, màu trắng trong, cứng, nhẵn. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	300	
77	Khẩu trang giấy hoặc tương đương	3 lớp. Kích thước ngang $\geq 17,5$ cm, rộng $\geq 9,7$ cm. Cuộn giấy lọc vi khuẩn, virus kích thước ngang 17cm. Cuộn dây nhựa định hình dẹt rộng 2,5 mm. Cuộn dây thun dẹt kim đường kính 2-2,5mm. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	23.500	
78	Kim lấy thuốc vô trùng hoặc tương đương	Kim: được làm bằng thép không gỉ - Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ - Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. - Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	53.100	
79	Kim nha khoa hoặc tương đương	Kim nha khoa (Dental Needle) sắc nhọn nhờ sử dụng công nghệ cắt vát 2 lần. Cỡ kim được phân biệt bằng màu sắc trên đốc kim theo tiêu chuẩn ISO 13485, EC. Cán kim dài để cầm khi chọc nhiều vùng ven khác nhau. Cỡ kim: 27Gx13/16. Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp, đóng gói từng chiếc bằng vỏ nhựa cứng đảm bảo an toàn.	Cái	200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
80	Kim châm cứu hoặc tương đương	Thân kim được làm bằng thép không gỉ. Đường kính kim: 0,3mm. Chiều dài 25,30,40,50,60,70 mm. Được tiệt trùng bằng khí EO	Cái	110.000	
81	Kim chọc dò tuỷ sống các số hoặc tương đương	Mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương cho phép thâm nhập dễ dàng. Đốc kim trong suốt có phản quang dễ dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. Số 27G (0,4 x 89mm). Số 25G, số 27G	Cái	250	
82	Khoá 3 trục (Van 3 ngã) hoặc tương đương	Làm bằng nhựa dùng trong y tế, không gây độc, gây sốt, không gây gập hoặc chảy nước. - Khóa chịu được áp suất từ 3bar- 5bar (43,5 psi - 72psi). - Khóa luer ở đầu khóa dễ dàng kết nối với các loại kim, gây truyền, bộ vi điều chỉnh... - Không tương tác khi truyền với các loại nhũ dịch béo hay các loại thuốc. - Thời gian sử dụng 96 giờ. - Khử trùng bằng khí EO.D91	Cái	160	
83	Kim luồn tĩnh mạch số 20 hoặc tương đương	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP, có 3 vạch cân quang ở thân catheter,có khả năng lưu kim được tối đa ≥ 96h. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO.Thân catheter không có kim loại sử dụng được trong phòng MRI.Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc. Có bầu tắm lọc xốp ở chuỗi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. có thêm nút chặn kim luồn đi kèm.Cỡ: 20G x 1”.	Cái	800	
84	Kim luồn tĩnh mạch số 22 hoặc tương đương	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP, có 3 vạch cân quang ở thân catheter,có khả năng lưu kim được tối đa ≥ 96h. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO.Thân catheter không có kim loại sử dụng được trong phòng MRI.Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc. Có bầu tắm lọc xốp ở chuỗi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. có thêm nút chặn kim luồn đi kèm.Cỡ: 22G x 1” (I.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh	Cái	7.800	
85	Kim luồn tĩnh mạch số 24 hoặc tương đương	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP, Kim có cánh nhỏ, có 3 vạch cân quang ở thân catheter,có khả năng lưu kim được tối đa ≥ 96h. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO.Thân catheter không có kim loại sử dụng được trong phòng MRI.Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa. Có bầu tắm lọc xốp ở chuỗi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. Cỡ: 24G x 3/4” (I.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng.	Cái	4.850	
86	Lam kính mài hoặc tương đương	Lam kính mài một đầu, trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc. Kích thước 25,4x76,2mm, dày 1mm-1,2mm.	Cái	2.000	
87	Lưỡi dao mổ các số hoặc tương đương	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất. Đóng gói 1x100 cái/hộp. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	550	
88	Lưỡi dao mổ nhọn hoặc tương đương	Dùng để phẫu thuật.Tiệt trùng bằng tia gama.các số khác nhau.	Cái	450	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
89	Mask thanh quản 2 nòng hoặc tương đương	Chất liệu Silicon y tế tương thích sinh học tốt và bảo vệ đường thở . Thiết kế 2 bóng có độ bịt kín cao, áp suất bơm khí lên đến 40cm H2O. Các cỡ: 2,5; 3; 4	Cái	40	
90	Merocel hoặc tương đương	Kích thước 8cm x 1,5cm x 2cm. Khả năng thấm hút cao – lên tới 21 lần trọng lượng của nó trong chất lỏng. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate	Cái	50	
91	Miếng dán kim luồn 53 x 80 hoặc tương đương	Lớp film mỏng bằng màng polyurethane bán thấm, mức thoát hơi nước ≥ 500 g/m ² /24h, keo acrylic. Tiệt trùng bằng ethylene oxide, tiêu chuẩn CE. Kích thước 53 x 80mm	Cái	1.100	
92	Mỡ KY hoặc tương đương	Bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi thực tràng, bôi trơn âm đạo... đã tiệt trùng, không gây dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi	Tuýp	30	
93	Mũ giấy hoặc tương đương	Vỏ trùng, được làm bằng chất liệu gác không dẹt không hút nước, ngăn chặn được 95% vi khuẩn xâm nhập. Tiệt trùng bằng khí EO, không có vi khuẩn và nấm mốc, đóng gói 2 lớp	Cái	3.800	
94	Nước cất 2 lần hoặc tương đương	Hình thức: Chất lỏng trong, không màu, đóng trong can nhựa 5 lít nút kín, không rạn nứt Độ trong: Dung dịch trong, không có tủa, không có tiểu phân lạ Độ dẫn điện: Không quá 25,0 μ S/cm ở 25 ± 1 độ C. Độ Amoni: không quá 0,2ppm. Clorid: không quá 0,5 ppm. Nitrat: không quá 0,2 ppm Sulfat: Đạt quy định. Calci và Magnesi: Đạt quy định. Cần sau khi bay hơi : Đạt quy định.	Lít	2.000	
95	Nước Javen 12% hoặc tương đương	Có màu hơi xanh, có mùi đặc trưng. Thành phần: NaClO+NaCl+H2O	Lít	300	
96	Ống lấy máu chống đông ETDA hoặc tương đương	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp xanh dương, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	Ống	24.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
97	Ống nghiệm chống đông Natri citrat hoặc tương đương	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Nắp màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ của dung dịch trisatri citrate dihydrat phải ở trong khoảng từ 0,1mol/l đến 0,136mol/l (tương ứng 2,94% đến 4,0%) và Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút, Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.	Ống	3.000	
98	Ống nghiệm Heparin hoặc tương đương	Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước 12-13x75mm. - Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ...trừ Li ⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcohol trong máu.. - Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. <u>- Nắp đây ống nghiệm: nắp nhựa/ nắp cao su màu đen. Màu nắp có thể thay đổi tùy theo</u>	Cái	24.000	
99	Ống nghiệm nhựa có nắp hoặc tương đương	Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước: 10 x 1,5cm - Nắp đây ống nghiệm: nắp nhựa/ nắp cao su màu đỏ. Màu nắp có thể thay đổi tùy theo nhu cầu. - Ống nghiệm được đóng trên đế mous cao hoặc đế mous thấp	Cái	5.000	
100	Ống nghiệm nhựa có nắp Eppendorf 1,5ml hoặc tương đương	Được làm từ nhựa trong, có nắp an toàn để tránh tình trạng xuất hiện khe hở, với các nút gờ thể hiện dung tích được làm mờ.	Cái	3.000	
101	Ống nội khí quản lò so có cuf đặt đường miệng các số hoặc tương đương	Được chế tạo bằng PVC, không có DEHP • Ống có lò xo thép bảo vệ hiệu quả ống không bị xoắn và tắc nghẽn • Thể tích cao, áp lực thấp làm giảm áp lực cho đường khí • Hiện thị đường mờ trên ảnh X quang • Murphy Eye Các cỡ: 5; 5,5	Cái	20	
102	Sonde dẫn lưu ổ bụng to hoặc tương đương	Chất liệu nhựa y tế, mềm dẻo, không bị gãy gập. Kích thước 7ID x 10OD x 400mm	Cái	100	
103	Sonde dẫn lưu ổ bụng số 5ID x 70D hoặc tương đương	• Ống dẫn lưu được làm từ nhựa PVC y tế. • Ống dây mềm, dẻo, có tính đàn hồi cao, giúp thuận tiện khi thao tác. • Màu trắng tự nhiên dễ quan sát. 4. Qui cách sản phẩm: • Đường kính bên trong ống: 5.0mm • Đường kính bên ngoài ống: 7.0mm • Chiều dài ống: 396mm Sản phẩm được tiệt trùng bằng EOG (Ethylene oxide gas)	Cái	100	
104	Sonde hậu môn hoặc tương đương	Dây dẫn dài ≥400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dây mềm, trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được loe hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. - Các số: 22,24,26,28. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	20	
105	Sond JJ hoặc tương đương	Chất liệu Polyurethane mềm; Cỡ: 7Fr; Chiều dài 16cm - 30cm; Hai đầu mờ; Có khả năng chống xoắn, cân quang tốt; Bao gồm: 1 Sonde JJ + 1 kẹp + 1 que đẩy + chỉ	Cái	100	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
106	Sonde nelaton hoặc tương đương	Chất liệu PVC không độc hại, không gây kích ứng Màu sắc mã hóa xác định kích thước Chiều dài: 40 cm Kích thước: Fr6 đến Fr24	Cái	130	
107	Sonde Foley 2 nhánh số 6 hoặc tương đương	Bóng hãm (Cuff) đàn hồi tốt, an toàn, bóng căng đều, không bị vỡ, bị dính khi đặt lâu. Chất liệu cao su y tế, trắng Silicon trong lòng, không DEHP với bóng chèn 30ml/cc. Bóng hãm hình trụ, đầu ống thông có lỗ thông tiểu, van bơm bóng bằng cao su. Kích thước : các số	Cái	10	
108	Sonde Foley 2 nhánh số 8 hoặc tương đương	Bóng hãm (Cuff) đàn hồi tốt, an toàn, bóng căng đều, không bị vỡ, bị dính khi đặt lâu. Chất liệu cao su y tế, trắng Silicon trong lòng, không DEHP với bóng chèn 30ml/cc. Bóng hãm hình trụ, đầu ống thông có lỗ thông tiểu, van bơm bóng bằng cao su. Kích thước : các số	Cái	10	
109	Sonde Foley 2 nhánh số 10 hoặc tương đương	Bóng hãm (Cuff) đàn hồi tốt, an toàn, bóng căng đều, không bị vỡ, bị dính khi đặt lâu. Chất liệu cao su y tế, trắng Silicon trong lòng, không DEHP với bóng chèn 30ml/cc. Bóng hãm hình trụ, đầu ống thông có lỗ thông tiểu, van bơm bóng bằng cao su. Kích thước : các số	Cái	30	
110	Sonde Foley 2 nhánh số 12 hoặc tương đương	Bóng hãm (Cuff) đàn hồi tốt, an toàn, bóng căng đều, không bị vỡ, bị dính khi đặt lâu. Chất liệu cao su y tế, trắng Silicon trong lòng, không DEHP với bóng chèn 30ml/cc. Bóng hãm hình trụ, đầu ống thông có lỗ thông tiểu, van bơm bóng bằng cao su. Kích thước : các số	Cái	20	
111	Sonde Foley 2 nhánh số 14 hoặc tương đương	Bóng hãm (Cuff) đàn hồi tốt, an toàn, bóng căng đều, không bị vỡ, bị dính khi đặt lâu. Chất liệu cao su y tế, trắng Silicon trong lòng, không DEHP với bóng chèn 30ml/cc. Bóng hãm hình trụ, đầu ống thông có lỗ thông tiểu, van bơm bóng bằng cao su. Kích thước : các số	Cái	310	
112	Sonde Foley 2 nhánh số 16 hoặc tương đương	Bóng hãm (Cuff) đàn hồi tốt, an toàn, bóng căng đều, không bị vỡ, bị dính khi đặt lâu. Chất liệu cao su y tế, trắng Silicon trong lòng, không DEHP với bóng chèn 30ml/cc. Bóng hãm hình trụ, đầu ống thông có lỗ thông tiểu, van bơm bóng bằng cao su. Kích thước : các số	Cái	310	
113	Sonde Foley 3 nhánh số 18 hoặc tương đương	Các số. Chất liệu cao su thiên nhiên. Lớp phủ Silicon ngăn cách giữa trực ống bằng cao su và niệu đạo của người bệnh gia tăng tính tương thích sinh học. Thành ống dày chống gầy gập, lỗ ống rộng hình bầu dục. Bóng 30cc đối xứng, thiết kế chống vỡ. Không có chất DEHP. Kích thước : các số	Cái	20	
114	Sonde Foley 3 nhánh số 16 hoặc tương đương	Các số. Chất liệu cao su thiên nhiên. Lớp phủ Silicon ngăn cách giữa trực ống bằng cao su và niệu đạo của người bệnh gia tăng tính tương thích sinh học. Thành ống dày chống gầy gập, lỗ ống rộng hình bầu dục. Bóng 30cc đối xứng, thiết kế chống vỡ. Không có chất DEHP. Kích thước : các số	Cái	10	
115	Sorbitol 3,3% hoặc tương đương	Can 5 lít	Can	40	
116	Tăm bông vô trùng hoặc tương đương	Trong bao nylon riêng lẻ hàng kín, thích hợp cho lấy các mẫu vi sinh không cần môi trường chuyên chờ.	Que	1.000	
117	Tấm trải nilon hoặc tương đương	Nylon mảnh HD Màu sắc đồng đều, có độ trong, bóng bề mặt, có độ cứng nhất định, dễ gấp nếp. Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách thủng, ko kích ứng da. Trọng lượng (g/cái): 34g – 35g/m2 ($\pm$ 1g). Tiệt trùng bằng khí EO.Gas - Đóng gói: 1 cái/ gói. Được đóng gói trong bao bì giấy tiệt trùng có màu chỉ thị dùng trong y tế	Cái	200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
118	Túi camers hoặc tương đương	1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2 ly 2 x60 cm 2.Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong,bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế.	Cái	500	
119	Túi đựng máu hoặc tương đương	Dung tích 250ml để đựng máu toàn phần	Túi	70	
120	Túi đựng nước tiểu hoặc tương đương	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml có dây treo, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. - Có bảng ghi thông tin bệnh nhân. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Túi	950	
121	Viên sát khuẩn hoặc tương đương	Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium.Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH acid 6.2. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải Hộp 100 viên	Hộp	25	
122	Vôi Soda hoặc tương đương	Dùng để hấp thụ khí CO2 trong phòng chống độc. Thành phần chính Ca(OH)2. NaOH. Can 4,5 kg	Can	5	
123	Que thử đường huyết + kim hoặc tương đương	Que thử đường huyết dùng để đo nồng độ đường huyết trong máu tươi toàn phần. Tương thích với máy xét nghiệm đường huyết On Call Plus	Que	3.600	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
124	Phim khô laser kích cỡ 20x25cm (8x10") hoặc tương đương	Phim khô laser kích cỡ 20x25 cm (8x10 inch) - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền sấp sỉ 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16–27 °C hoặc 60–80 °F và điều kiện độ ẩm 30–50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Carestream của Viện - Phim được kết hợp với máy in laser của hãng Carestream để kích hoạt tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động (AIQC). - AIQC hiệu chỉnh máy in Laser để tối ưu hóa chất lượng – và để giúp đảm bảo độ tương phản và mật độ đáp ứng các tùy chọn mà người dùng đặt trước. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE - Chứng nhận lưu hành tự do: Mỹ	Tờ	20.000	
125	Hộp inox đựng dụng cụ tiểu phẫu, kích thước 11 × 23 × 5 cm. hoặc tương đương	Công dụng: Dùng để đựng, bảo quản dụng cụ tiểu phẫu và dụng cụ y tế. Chất liệu: Inox (thép không gỉ) dùng trong y tế, chịu được tiệt khuẩn. Kích thước: Ngang 11 cm × dài 23 cm × cao 5 cm, sai số ± 10%. Thiết kế dạng hộp chữ nhật, có nắp đậy kín, tháo lắp thuận tiện. Các cạnh và góc được xử lý nhẵn, không sắc cạnh, không ba vĩa. Bề mặt inox sáng, nhẵn, dễ vệ sinh, không gỉ sét trong điều kiện sử dụng thông thường. Có khả năng chịu được các phương pháp tiệt khuẩn thông dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Hàng mới 100%.	Hộp	20	
126	Kéo cắt chỉ hoặc tương đương	Kéo cắt chỉ hai đầu nhọn. Kích thước: ≥ 10cm Chất liệu: thép Inox không gỉ.	Cái	35	
127	Kéo cắt băng 1 đầu tù, dài 15 cm. hoặc tương đương	Chất liệu: Thép không gỉ dùng trong y tế. Chiều dài: 15 cm ± 10%. Kiểu dáng: Kéo cắt băng, một đầu tù, một đầu nhọn. Lưỡi kéo sắc bén, cắt tốt; đầu tù giúp hạn chế gây tổn thương khi đưa kéo dưới lớp băng. Hai lưỡi kéo đóng/mở nhẹ nhàng, khớp chính xác. Bề mặt nhẵn, không ba vĩa, không gỉ sét, không biến dạng.	Cái	20	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
128	Kéo phẫu thuật thẳng, dài 15 cm. hoặc tương đương	Chất liệu: Thép không gỉ dùng trong y tế. Chiều dài: 15 cm $\pm$ 10%. Kiểu dáng: Kéo phẫu thuật thẳng, 2 lưỡi kéo sắc, cân đối. Đầu kéo: tù/nhọn tùy loại sử dụng thực tế. Hai lưỡi kéo đóng/mở nhẹ nhàng, tiếp xúc và cắt tốt. Bề mặt nhẵn, không ba vĩa, không gỉ sét, không biến dạng.	Cái	10	
129	Kẹp phẫu tích có máu, có răng, dài 12 cm. hoặc tương đương	Chất liệu: Thép không gỉ dùng trong y tế, có khả năng diệt khuẩn. Chiều dài: 12 cm ($\pm$ 10%). Thiết kế dạng kẹp phẫu tích, có máu. Đầu kẹp có răng, giúp giữ mô chắc chắn. Hai đầu kẹp khớp chính xác, thao tác đóng/mở nhẹ nhàng. Bề mặt nhẵn, không gỉ sét, không ba vĩa, không biến dạng.	Cái	20	
130	Kẹp phẫu tích có máu 15cm hoặc tương đương	Làm bằng thép không gỉ. Kích thước $\geq$ 15cm	Cái	30	
131	Kẹp phẫu tích không máu, có răng ngang, dài 15 cm. hoặc tương đương	Chất liệu: Thép không gỉ dùng trong y tế. Chiều dài: 15 cm $\pm$ 10%. Thiết kế không máu. Đầu kẹp thẳng; mặt trong hai đầu kẹp có các răng/khía ngang dạng gạch ngang, tạo độ bám khi giữ mô. Không phải loại răng nhọn 1 $\times$ 2. Hai đầu kẹp tiếp xúc và khớp chính xác khi đóng. Bề mặt nhẵn, không ba vĩa, không biến dạng, không gỉ sét.	Cái	20	
132	Kẹp phẫu tích không máu 15cm hoặc tương đương	Làm bằng thép không gỉ. Kích thước $\geq$ 15cm	Cái	35	
133	Khay quả đậu hoặc tương đương	Khay quả đậu dùng trong y tế Chất liệu: Inox 304 Dung tích: 400ml $\pm$ 5%	Cái	15	
134	Kim mang kim 15cm hoặc tương đương	Làm bằng thép không gỉ. Kích thước $\geq$ 15cm	Cái	30	
135	Nẹp 6 lỗ dày hẹp hoặc tương đương	Sử dụng vít 3.5mm, Chất liệu thép không gỉ	Cái	10	
136	Nẹp 6 lỗ lòng máng hoặc tương đương	6 lỗ ứng với chiều dài 73mm, dày 1.5mm, rộng 10mm.Sử dụng vít 3.5mm, thân nẹp lỗ vít hình tròn. - Chất liệu thép không gỉ (Stainless Steel).	Cái	10	
137	Đinh Kirschner 2 đầu hoặc tương đương	Đường kính: 3.0 mm; Dài 310mm, chất liệu thép.	Cái	10	
138	Đinh Kirschner 2 đầu hoặc tương đương	Đường kính: 2.2 mm; Dài 310mm, chất liệu thép.	Cái	30	
139	Đinh Kirschner 2 đầu hoặc tương đương	Đường kính: 2.5 mm; Dài 310mm, chất liệu thép.	Cái	40	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
140	Vít cứng 3.5mm x 16mm hoặc tương đương	(dài 16mm) Đường kính vít 3.5mm, đường kính mũ vít 6.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đường kính 2.5mm, bước ren 1.25mm, đường kính lõi vít 2.4mm, dài từ 8mm đến 110mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	120	
141	Vít cứng 3.5mm x 18mm hoặc tương đương	(dài 18mm) Đường kính vít 3.5mm, đường kính mũ vít 6.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đường kính 2.5mm, bước ren 1.25mm, đường kính lõi vít 2.4mm, dài từ 8mm đến 110mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	60	
142	Vít cứng 4.5mm x 30mm hoặc tương đương	Đường kính vít 4.5mm, dài 30mm, đk mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 3.5mm, bước ren 1.75mm, đk lõi vít 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	50	
143	Vít cứng 4.5mm x 32mm hoặc tương đương	Đường kính vít 4.5mm, dài 32mm, đk mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 3.5mm, bước ren 1.75mm, đk lõi vít 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	160	
144	Vít cứng 4.5mm x 28mm hoặc tương đương	Đường kính vít 4.5mm, dài 28mm, đk mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 3.5mm, bước ren 1.75mm, đk lõi vít 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	50	
145	Mũi khoan xương 3.5 hoặc tương đương	Đường kính 3.5	Cái	10	
146	Mũi khoan xương 4.5 hoặc tương đương	Đường kính 4.5	Cái	10	
147	Nẹp 10 lỗ bản rộng hoặc tương đương	Nẹp xương bản rộng 10 lỗ. Chất liệu: Thép không gỉ y tế 316L hoặc hợp kim Titan. Tương thích với vít xương đường kính 4,5 mm. Kích thước nẹp phù hợp loại bản rộng, chiều dài tương ứng 10 lỗ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	10	
148	Nẹp 8 lỗ bản dày hoặc tương đương	Nẹp xương 8 lỗ bản dày, chất liệu thép không gỉ y tế 316L hoặc hợp kim Titan dùng trong cấy ghép; thiết kế bản dày, có 08 lỗ bắt vít; tương thích với vít xương đường kính 4,5 mm; có thể uốn chỉnh phù hợp giải phẫu; đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	20	
149	Nẹp xích 6 lỗ hoặc tương đương	Nẹp xích 6 lỗ, chất liệu thép không gỉ y tế 316L hoặc hợp kim Titan dùng trong cấy ghép; thiết kế dạng mắt xích gồm 06 lỗ bắt vít, có khả năng uốn tạo hình theo giải phẫu; tương thích với hệ vít cùng hệ thống (đường kính khoảng 2,0–2,4 mm); đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	10	
150	Nút cao su Trocar hoặc tương đương	kích thước 11mm	Cái	10	
151	Nút cao su Trocar hoặc tương đương	kích thước 5,5mm	Cái	20	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
152	Dây dẫn đường tiết niệu phủ ái nước (Hydrophilic Guidewire) dùng trong nội soi tán sỏi hoặc tương đương	Dùng trong các thủ thuật nội soi tiết niệu, nội soi niệu quản tán sỏi, đặt sonde JJ, tiếp cận đường tiết niệu trên. Lõi dây làm bằng hợp kim Nitinol hoặc thép không gỉ y tế, có độ đàn hồi và khả năng chống gập xoắn tốt. Lõi dây làm bằng hợp kim Nitinol hoặc thép không gỉ y tế, có độ đàn hồi và khả năng chống gập xoắn tốt. Đầu dây mềm, chống chấn thương niêm mạc đường tiết niệu. Đầu dây dạng thẳng hoặc chữ J. Có khả năng cản quang dưới màn tăng sáng X-quang. Đường kính dây: 0.035 inch ($\pm$ 0.003 inch) hoặc tương đương. Chiều dài dây: $\geq$ 150 cm. Thân dây có vạch đánh dấu hoặc cản quang ở đầu dây. Tiệt khuẩn, sử dụng một lần. Đóng gói riêng lẻ từng chiếc.	Cái	2	
153	Dây dẫn đường tiết niệu vằn (Zebra Guidewire) hoặc tương đương	Dùng trong các thủ thuật nội soi tiết niệu, nội soi niệu quản tán sỏi, đặt sonde JJ và duy trì đường dẫn an toàn trong quá trình can thiệp. Lõi dây làm bằng hợp kim Nitinol hoặc thép không gỉ y tế. Thân dây có các vạch sọc đen - trắng (Zebra) hoặc tương đương, giúp dễ nhận biết trong quá trình thao tác. Bề mặt phủ PTFE hoặc vật liệu giảm ma sát tương đương. Có độ cứng thân dây phù hợp để hỗ trợ đưa dụng cụ can thiệp. Đầu dây mềm, hạn chế tổn thương niêm mạc đường tiết niệu. Đầu dây dạng thẳng hoặc chữ J. Có khả năng cản quang dưới màn tăng sáng X-quang. Đường kính dây: 0,035 inch ($\pm$ 0,003 inch) hoặc tương đương. Chiều dài dây: $\geq$ 150 cm. Có vạch đánh dấu hoặc đầu dây cản quang. Tiệt khuẩn, sử dụng một lần. Đóng gói riêng lẻ từng chiếc.	Cái	2	
154	Dây điện kely hoặc tương đương	Dây cáp đơn cực, đường kính 4 mm, dài 3 m	Cái	2	
155	Kely nội soi hoặc tương đương	kẹp Kelly, đường kính 5 mm, dài 330 mm, hàm hoạt động đôi, chiều dài hàm 15 mm	Cái	1	
156	Vỏ ngoài hoặc tương đương	Vỏ ngoài, đường kính 5 mm, chiều dài 330 mm	Cái	1	
157	Tay cầm có khóa hoặc tương đương	Tay cầm có khóa	Cái	1	
158	Kẹp ruột mềm nội soi hoặc tương đương	Kẹp ruột US Backcock, đường kính 10 mm, dài 330 mm, hoạt động đôi, chiều dài hàm 45 mm	Cái	1	
159	Dây điện dùng cho kẹp ruột mềm US Backcock, Ø10 mm, dài 330 mm. hoặc tương đương	Dây điện/phụ kiện điều khiển sử dụng cho kẹp ruột mềm US Backcock. Tương thích với kẹp ruột mềm có: Đường kính: 10 mm. Chiều dài: 330 mm. Kiểu hoạt động: hoạt động đôi. Chiều dài hàm kẹp: 45 mm.	Cái	1	
160	Gel etching acid phosphoric 37% dùng trong nha khoa hoặc tương đương	Thành phần chính: Acid phosphoric (H_3PO_4) 37% Gel/gel nhớt, có tính thixotropic Màu xanh hoặc màu tương phản, thuận tiện quan sát khi thao tác Dùng để xử lý bề mặt men và ngà răng trước các thủ thuật phục hồi/dán nha khoa	Tuýp	2	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
161	Keo dán ngà răng (Dental Bonding Agent), hệ thống 1 bước hoặc 2 bước, dùng trong nha khoa hoặc tương đương	Dung dịch/keo dùng trong nha khoa. Dùng để tạo liên kết giữa mô răng (men/ngà) và vật liệu phục hồi nha khoa. Có thể sử dụng sau bước etching acid phosphoric hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Tương thích với vật liệu composite và vật liệu phục hồi nha khoa theo hướng dẫn của nhà sản xuất	Lọ	2	
162	Tăm bông bôi Bond/Etching dùng trong nha khoa hoặc tương đương	Dùng để lấy và bôi Bond, Etching hoặc vật liệu nha khoa dạng lỏng lên bề mặt răng. Đầu nhỏ, mềm, có khả năng giữ và phân phối dung dịch/keo. Sợi bông hoặc vật liệu không xơ phù hợp sử dụng trong nha khoa. Không để lại xơ/sợi trên bề mặt thao tác; dễ thao tác tại vùng nhỏ, hẹp. Cán nhựa hoặc vật liệu phù hợp, dễ cầm nắm.	Cái	300	
163	Tay khoan nha khoa tốc độ cao 4 lỗ, loại tay bấm hoặc tương đương	Kết nối 4 lỗ. Tay bấm, không dùng chia khóa. Tốc độ cao, khoảng ≥ 300.000 vòng/phút. Phun nước làm mát qua đường nước của tay khoan. Vòng bi chất lượng cao, hoạt động ổn định. Số đường phun nước phù hợp thiết kế của tay khoan. Đầu kẹp mũi khoan Phù hợp mũi khoan nha khoa dùng cho tay khoan tốc độ cao. Độ rung/độ ồn Thấp, bảo đảm thao tác thuận lợi. Có thể hấp tiệt khuẩn theo hướng dẫn của nhà sản xuất	Cái	2	
164	Chất hàn răng GC9 hoặc tương đương	Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng – Độ giãn nở tương tự mô răng thật giúp giảm thiểu áp lực lên vùng biên của miềng trám. – Độ bền nén và độ bền uốn cao. – Chịu độ ẩm tốt.	Hộp	5	
165	Vật liệu composite phục hồi răng dạng lỏng (Flowable Composite) dùng trong nha khoa hoặc tương đương	Composite dạng lỏng (Flowable). Phục hồi răng, trám các xoang nhỏ và vùng cần vật liệu có khả năng chảy thích hợp. Cơ chế đông cứng: Quang trùng hợp. Có các màu phù hợp với màu răng, theo bảng màu của nhà sản xuất. Khả năng chảy tốt, bám dính và tạo hình thuận lợi	Tuýp	5	
166	Vật liệu composite phục hồi răng dạng đặc (Universal/Restorative Composite) dùng trong nha khoa hoặc tương đương	Composite dạng đặc/độ nhớt cao dùng phục hồi. Trám và phục hồi răng trước và sau các tổn thương do sâu răng hoặc tổn thương mô răng. Cơ chế đông cứng: Quang trùng hợp. Có nhiều màu phù hợp với màu răng. Dễ tạo hình, đánh bóng; đáp ứng yêu cầu phục hồi răng	Tuýp	5	
167	Mũi khoan nha khoa tốc độ cao dạng trụ thuôn, đầu ngắn hoặc tương đương	Trụ thuôn, đầu ngắn. Thép không gỉ hoặc hợp kim phù hợp dùng trong nha khoa. Có các lưỡi cắt, bảo đảm khả năng cắt mô răng. Chuôi dùng cho tay khoan tốc độ cao. Theo cỡ mũi khoan nha khoa tương ứng; lựa chọn kích thước phù hợp nhu cầu sử dụng. Dùng để tạo hình, sửa soạn mô răng trong	Cái	10	
168	Mũi khoan nha khoa tốc độ cao bằng carbide, dạng trụ/trụ thuôn, chuôi FG, dùng cắt mô răng hoặc tương đương.	Vật liệu: Carbide (tungsten carbide). Cắt, tạo hình và sửa soạn mô răng; có thể sử dụng trong chuẩn bị xoang/trám răng theo chỉ định. Chuôi FG (Friction Grip), dùng cho tay khoan nhanh. Đường kính chuôi Khoảng 1,6 mm. Chiều dài chuôi/tổng thể Phù hợp tay khoan nhanh, khoảng 19 mm đối với loại FG tiêu chuẩn. Hình dạng đầu khoan Theo hình dạng yêu cầu của từng mã; trụ, trụ thuôn, quả lê... Có lưỡi cắt bằng carbide, bảo đảm khả năng cắt mô răng. Tốc độ sử dụng: khoảng 300.000	Cái	10	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
169	Mũi khoan nha khoa tốc độ cao dạng trụ trơn, đầu dài, chuỗi FG hoặc tương đương	Trụ trơn, đầu dài. Vật liệu: Carbide hoặc vật liệu phù hợp dùng trong nha khoa. Chuôi: FG (Friction Grip), sử dụng cho tay khoan nhanh. Dùng cắt, tạo hình và sửa soạn mô răng trong điều trị nha khoa. Có các lưỡi cắt sắc, đồng đều, bảo đảm khả năng cắt. Kích thước Theo cỡ mũi khoan nha khoa tương ứng. Phù hợp với tay khoan nhanh 4 lỗ/chuẩn FG. Có khả năng tiết khuẩn theo hướng dẫn của nhà sản xuất	Cái	10	
170	Cọc truyền hoặc tương đương	Chất liệu : Inox bóng sáng BA Kích thước khoảng: 1200 - 2000mm Cọc truyền được kết cấu bởi phần thân làm bằng ống Φ 22x0.8mm. Bao ngoài là ống Φ 25x0.8mm, có vít hãm cố định dọc thân ống theo chiều cao có thể di chuyển độ dài. Phía trên có 2 móc inox chắc chắn tải trọng 6kg. Phần chân: Chia ra 3 nhánh được làm bằng hộp inox 30x60x0.8mm có chiều dài từ trụ là 250mm, bánh xe di chuyển thuận tiện.	Cái	38	
171	Bao đo huyết áp máy Monitor người lớn và trẻ em hoặc tương đương	Chất liệu vải, kích thước 5 cm dùng cho máy Monitor OMNI III	Cái	62	
172	Bóng đèn hồng ngoại hoặc tương đương	Bóng đèn hồng ngoại. - Công suất : 250W - Điện áp nguồn: 220V - Dùng trong y tế - Màu sắc: Màu Đỏ	Cái	5	
173	Nhiệt kế hoặc tương đương	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân • Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C • Đo ở miệng: Đặt đầu có bầu kim loại dưới lưỡi và ngậm chặt miệng lại. Không nói chuyện hoặc cắn nhiệt kế khi sử dụng. • Chú ý: Không sử dụng cách này cho trẻ em • Đo ở nách : Nếu đặt ở nách thì để bầu thủy ngân vào hõm nách(bẹn), khép cánh tay vào ngực để kẹp giữ ống thủy . • Đặt nhiệt kế tối thiểu 5 phút ở miệng hoặc nách. • Xoay nhẹ nhiệt kế để nhìn xem mức thủy ngân.	Cái	110	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
174	Hộp đựng thuốc cấp cứu ngoại viện hoặc tương đương	Công dụng: Dùng để đựng, bảo quản và vận chuyển thuốc, vật tư y tế phục vụ công tác cấp cứu ngoại viện. Chất liệu: Nhựa cứng hoặc vật liệu bền, chịu va đập, phù hợp sử dụng trong môi trường y tế. Thiết kế dạng hộp, có nắp đậy chắc chắn, thuận tiện đóng/mở. Bên trong có các ngăn/khoang phân chia để sắp xếp thuốc và vật tư theo từng nhóm, dễ tìm kiếm khi cấp cứu. Có tay xách chắc chắn, thuận tiện vận chuyển. Có khả năng vệ sinh, khử khuẩn thông thường. Kết cấu chắc chắn, không có cạnh sắc, không gây nguy hiểm trong quá trình sử dụng. Kích thước: phù hợp để chứa thuốc và vật tư cấp cứu ngoại viện. Hàng mới 100%.	Hộp	1	
175	Hộp hấp tiệt trùng dụng cụ inox, Ø300 × H220 mm. hoặc tương đương	Công dụng: Dùng để chứa, bảo quản và hấp tiệt trùng dụng cụ y tế bằng phương pháp hấp hơi nước. Chất liệu: Thép không gỉ (inox) dùng trong y tế, chịu được nhiệt độ và áp suất trong quá trình hấp tiệt trùng. Dạng hộp hình trụ. Đường kính: 300 mm. Chiều cao: 220 mm. Nắp đậy chắc chắn, đóng/mở thuận tiện. Có hệ thống lỗ thông hơi/van lọc phù hợp cho quá trình hấp tiệt trùng, cho phép hơi nước tiếp xúc với dụng cụ bên trong và hạn chế tái nhiễm sau tiệt khuẩn. Có cơ cấu khóa/nắp chắc chắn, thuận tiện vận chuyển sau tiệt khuẩn. Bề mặt inox nhẵn, dễ vệ sinh, không gỉ sét, không ba via, không có cạnh sắc. Có khả năng tái sử dụng và chịu được các chu trình hấp tiệt trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Hàng mới 100%.	Hộp	30	
176	Hộp hấp tiệt trùng dụng cụ inox, Ø260 × H165 mm. hoặc tương đương	Công dụng: Dùng để chứa dụng cụ y tế trong quá trình hấp tiệt trùng. Chất liệu: Thép không gỉ (inox), phù hợp sử dụng trong y tế. Thiết kế: Dạng hộp hình trụ, có nắp đậy. Đường kính: 260 mm. Chiều cao: 165 mm. Nắp đậy chắc chắn, đóng mở thuận tiện. Có hệ thống lỗ thông hơi phù hợp với quá trình hấp tiệt trùng bằng hơi nước. Có cơ cấu khóa/nắp chắc chắn, thuận tiện khi vận chuyển và bảo quản dụng cụ sau tiệt khuẩn. Bề mặt nhẵn, dễ vệ sinh, không gỉ sét, không ba via, không có cạnh sắc. Chịu được nhiệt độ và áp suất của quá trình hấp tiệt trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Có thể tái sử dụng. Hàng mới 100%.	Hộp	10	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
177	Hộp an toàn đựng vật sắc nhọn. hoặc tương đương	Công dụng: Dùng để thu gom, chứa và vận chuyển an toàn các vật sắc nhọn đã qua sử dụng như kim tiêm, lưỡi dao, vật dụng có nguy cơ gây tổn thương. Chất liệu: Nhựa cứng, bền, chống đâm xuyên, phù hợp sử dụng trong y tế. Thiết kế chắc chắn, có nắp đậy an toàn. Miệng hộp có khe/đầu vào phù hợp để bỏ vật sắc nhọn, hạn chế lấy ngược vật đã bỏ vào. Nắp có cơ cấu đóng tạm thời và đóng kín hoàn toàn sau khi hộp đầy. Thành hộp có khả năng chống đâm xuyên, rò rỉ trong điều kiện sử dụng thông thường. Có vạch/đánh dấu mức chứa tối đa để nhận biết thời điểm cần đóng và thay hộp. Có tay cầm hoặc vị trí thuận tiện cho việc vận chuyển. Bề mặt dễ vệ sinh, không có cạnh sắc gây nguy hiểm. Hộp dùng một lần, xử lý theo quy định về quản lý chất thải y tế sau khi sử dụng. Hàng mới 100%.	Hộp	5	
178	Thiết bị theo dõi nhiệt độ tự động Fridge-tag @2E hoặc tương đương	Phạm vi ứng dụng: Bảo quản trong môi trường lạnh Kích thước bên ngoài (L x W x H): 128 x 75 x 19 mm Kích thước của màn hình: 95 x 27 mm. Trọng lượng: 107 g. Điều kiện bảo quản (chưa kích hoạt): 0°C đến +30°C. Nhiệt độ hoạt động : -25°C đến +55°C Khoảng nhiệt độ cảnh báo: : -20°C đến +50°C với bước tăng 0.1°C.Độ chính xác của phép đo nhiệt độ: • +/- 0.8°C (-25°C đến -10°C) • +/- 0.5°C (-10°C đến +40°C) • +/- 0.8°C (+40°C đến +55°C) Thiết lập cảnh báo: 2 giới hạn cảnh báo động (1 giới hạn trên và 1 giới hạn dưới). Thời gian kích hoạt cảnh báo: 1 phút tới 23 giờ 59 phút. Chỉ thị cảnh báo: Trực quan Dung lượng bộ nhớ: 30 ngày trên màn hình và độ dài báo cáo PDF có thể cài đặt tại nhà máy: 28, 56, 84 hoặc 112 ngày. Lớp bảo vệ: IP64. Pin: Lithium- tuân thủ theo hướng dẫn đóng gói IATA DGR 970-Phần II.Thời gian hoạt động: Lên đến 5,5 năm (0.5 năm bảo quản và 5 năm sử dụng).	Cái	3	
179	Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp hoặc tương đương	Tương thích với máy đo chức năng hô hấp Multifunctional Spirometer HI-801 Hiệu suất lọc khuẩn: 99.99% Trở kháng tại 15pa tại 30L/ phút	Cái	200	
180	Giấy in nhiệt dùng cho máy đo chức năng hô hấp CHEST HI-801 hoặc tương đương	Giấy in nhiệt, dùng cho máy in nhiệt tích hợp. Khổ giấy 112 mm. Chiều dài cuộn ≥ 25 m/cuộn. Màu giấy Trắng, không in sẵn. Tương thích với máy đo chức năng hô hấp CHEST HI-801	Cuộn	20	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
181	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (A	Thành phần tối thiểu gồm: - Natri clorid - Kali clorid - Calci clorid.2H2O - Magnesi clorid.6H2O - Acid acetic băng: - Glucose.H2O: - Nước tinh khiết vừa đủ Đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất	Lít	19.000	
182	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (B	Thành phần tối thiểu gồm: - Natri Bicarbonate - Nước tinh khiết vừa đủ Đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất	Lít	25.500	
183	Kim chạy thận nhân tạo 16G hoặc tương đương	Kim chạy thận nhân tạo kích thước 16Gx25x300mm, có thể xoay, có silicon bao phủ, có back eye. - Kim làm bằng thép không gỉ, ống bằng nhựa PVC y tế. - Thành kim mỏng và tráng Silicon để tăng sự bền - Mũi kim được xử lý để giảm đau và giảm tổn thương da - 1 kẹp khóa - Đầu nối phù hợp với các bộ dây chạy thận	Cái	13.000	
184	Quả lọc thận nhân tạo hoặc tương đương	- Chất liệu màng : Micro-undulated Polysulfone - Chất liệu vỏ: Polycarbonate - Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane - Diện tích màng 1,6 m2 - Hệ số siêu lọc (ml/hr*mmHg): 17,1 - Thể tích môi: 86 ml - Tốc độ bơm máu 300ml/phút: Urea 257, Creatinine 229, Phosphate 191,Vitamin B12 122. -Albumin 0.000037 - Độ dày thành 40 µm, đường kính sợi 200 µm. - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước.	Quả	1.080	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
185	Quả lọc dịch thẩm tách siêu sạch hoặc tương đương	Vật liệu màng: Polysulfone - Diện tích màng: 1.2 m ² - Quả lọc vi khuẩn và chất gây sốt được sử dụng để cung cấp dung dịch thẩm tách có độ tinh khiết cao. - Thông số kỹ thuật: + Hệ số siêu lọc: 270 ml/giờ/mmHg + Khả năng giữ độc tố: 106 EU/ml + TMP tối đa: 500 mmHg + Áp suất lọc tối đa 2 bars - Sử dụng 150 ca điều trị (hoặc 900h) - Tiệt trùng bằng tia Gamma Tương thích với máy thận nhân tạo Dialog+, hãng B.Braun	Quả	12	
186	Quả lọc dịch DIASAFE plus hoặc tương đương	Diện tích màng: 2.2m ² Trọng lượng (g): 170 Chất liệu màng: Fresenius Polysulfone Chất liệu vỏ: polypropylene Chất liệu đầu quả lọc: polyurethane Chống ẩm: silicone Thông số lọc: 5ml/phút mm HG (3.75L/phút bar; max.2bar)	Quả	12	
187	Bộ dây lọc thận hoặc tương đương	Bộ dây chạy thận 2 trong 1 bao gồm dây động mạch và dây tĩnh mạch, 1 transducer - Đường kính dây bơm (8.0x12.2x400 mm) không rò rỉ máu - Buồng nhỏ giọt (OD: 19-30mm, LD: 130mm). - Dung tích buồng nhỏ giọt: Buồng 22 - Dây động mạch: đường kính 4.5 x 6.8mm, dài 3.930mm, 5 nhánh nổi - Dây tĩnh mạch: đường kính 4.5 x 6.8mm, dài 3.030mm, 2 nhánh nổi - Thể tích môi: 165 ± 5% ml - Có các đường dây để lấy máu và xử lý thuốc, có vị trí tiêm phía trước buồng nhỏ giọt tránh bọt khí đi vào mạch máu - Tương thích với nhiều loại máy chạy thận - Tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO 13485, EU	Bộ	1.200	
188	Que thử tồn dư Peroxide hoặc tương đương	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả : 15 giây	Que	300	
189	Que thử nồng độ axit peracetic hoặc tương đương	Dùng để kiểm tra hoạt lực của axít peracetic khi ngâm dụng cụ, quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả chính xác tại thời điểm: 10 giây	Que	300	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
190	Que thử Độ cứng của nước hoặc tương đương	Mục đích sử dụng: Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm.	Que	100	
191	Acid Citric hoặc tương đương	Công thức phân tử: C ₆ H ₈ O ₇ Bề ngoài: Chất rắn kết tinh màu trắng	Kg	200	
192	Dung dịch bảo quản quả lọc thận hoặc	Tác dụng: Tiết khuẩn Thành phần: Acid Paracetic: 5%, Hydrogen peroxid: 25%, Acid acetic: 9%,	Lít	50	
193	Muối hoàn nguyên hoặc tương đương	Viên nén màu trắng NaCl ≥ 99%	Kg	1.250	
194	Que thử tồn dư Peroxide hoặc tương đương	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả : 15 giây	Que	500	
195	Test kiểm tra độ cứng hoặc tương đương	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước R.O. Độ cứng được sử dụng để mô tả tổng nồng độ của các Mg và Ca. Thể hiện bằng đơn vị ppm hoặc CaCO ₃ . Kiểm tra nước với các nồng độ 0 , 10, 25, 50 và 120 ppm (tương ứng với 0, 0.6, 1.5, 3 và 7 hạt/ gollon tương ứng) Thời gian kiểm tra và đọc kết quả: 10 giây	Que	500	
196	Test kiểm tra nồng độ hiệu dụng của Peracetic acid hoặc tương đương	Dùng để kiểm tra hoạt lực của axid peracetic khi ngâm dụng cụ,quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả chính xác tại thời điểm: 10 giây	Que	500	
197	Dung dịch rửa quả lọc thận hoặc tương đương	Acid peracetic (PAA), Hydrogen peroxide, Acid acetic	Lít	80	
	Tổng cộng 197 khoản				



PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Công văn số 428/TTYT-KDVTTBYT ngày 14 /8/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Định lượng Albumin hoặc tương đương	Định lượng Albumin ; Quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x2mL; hoá chất đơn; dải đo: 1,6-6 g/dL (16 - 60 g/L) Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L)	Hộp	02	
2	Định lượng Amylase hoặc tương đương	Hóa chất định lượng Amylase; Quy cách: 6 x 50 ml; hoá chất đơn; dải đo: 20-1500 U/L	Hộp	04	
3	Định lượng Bilirubin trực tiếp hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct mẫu huyết thanh/huyết tương người Quy cách: R1: 1x100mL + R2: 1x25mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải đo: 0.08-10.55 mg/dL (1.4-180.4 µmol/L)	Hộp	03	
4	Định lượng Bilirubin toàn phần hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total mẫu huyết thanh/huyết tương người Quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải đo: 0.25-25 mg/dL (4.3-427.6 µmol/L)	Hộp	03	
5	Định lượng Calcium toàn phần hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium Arsenazo ; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x5mL; hoá chất đơn; dải đo: 5-15 mg/dL (1.25-3.74 mmol/L), nước tiểu 1.5-18 mg/dL (0.37-4.49 mmol/L)	Hộp	05	
6	Định lượng Cholesterol hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R 6 x 100 ml + std: 1x5 ml; hóa chất đơn; dải đo: 20 - 600 mg/dL (0.52-15.52 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R Chất chuẩn: Std - Cholesterol: 200mg/dL	Hộp	03	
7	Định lượng Creatinine hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml; tỉ lệ R2/R1: 1/1; dải đo: 0.5-15 mg/dL (44-1326 µmol/L) Thành phần gồm: R1+R2 Chất chuẩn: Std	Hộp	10	
8	Định lượng Glucose hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: R: 6 x 100 ml + Std: 1x5 ml; hoá chất đơn; dải đo: 20-400 mg/dL (1.11 - 22.20 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)	Hộp	05	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Định lượng Alanine Aminotransferase ALT/GPT hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 4x50ml + R2: 2x26ml; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 Hóa chất 2: R2	Hộp	10	
10	Định lượng Aspartate Aminotransferase AST/GOT hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 4x50mL + R2: 2x26mL; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: R1+R2	Hộp	10	
11	Định lượng Protein toàn phần hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần quy cách: R: 2x125mL + Std: 1x5mL; Dải đo: 0.2-12 g/dL (2-120 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R Chất chuẩn: Std	Hộp	02	
12	Định lượng Triglycerides hoặc tương đương	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết tương/huyết thanh người trên máy xét nghiệm hóa sinh * Dải đo 30-1000 mg/dL (0.34-11.30 mmol/L) * Quy cách: R 6x100mL + Std 1x5mL *Thành phần:	Hộp	03	
13	Định lượng Urea hoặc tương đương	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea Quy cách R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL (1.67-49.95 mmol/L), nước tiểu 200-6000 mg/dL (33-999 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 Hóa chất 2: R2 Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)	Hộp	05	
14	Định lượng Uric Acid hoặc tương đương	*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm hóa sinh. *Dải đo: Huyết thanh/huyết tương: 1.5-25 mg/dL; Nước tiểu: 5-250 mg/dL * Quy cách: 6x100ml + Std: 1x5ml *Thành phần: Hóa chất R: Chất chuẩn Std: - Uric acid: 6 mg/dL (357 µmol/L)	Hộp	02	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
15	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa hoặc tương đương	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	Hộp	02	
16	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa hoặc tương đương	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bất thường cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	Hộp	02	
17	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa hoặc tương đương	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 4 x 3 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học.	Hộp	02	
18	Detergent CD80(hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480) hoặc tương đương	Dung dịch dùng để rửa kim và cuvette của máy xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: SOL : 2L/can Thành phần: - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/ khối lượng) - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt.	Can	10	
19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol hoặc tương đương	Đo nồng độ cồn trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. Hộp: R1: 10 x 10 ml; R2: 1 x 5 ml	Hộp	5	
20	Hóa chất kiểm chức mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2 hoặc tương đương	Dùng để QC bằng cách theo dõi độ chính xác để xác định nồng độ các chất đang được phân tích như quy định trong bảng giá trị. Thành phần: R1 - Normal control "Ammonia, ethanol, CO2" Hộp: R1: 1 x 10 ml	Hộp	3	
21	Hóa chất kiểm chức mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2 hoặc tương đương	Dùng để QC bằng cách theo dõi độ chính xác để xác định nồng độ các chất đang được phân tích như quy định trong bảng giá trị. Thành phần: R1 - Pathological control "Ammonia, ethanol, CO2" Hộp: R1: 1 x 10 ml	Hộp	3	
22	Bóng Halozen dùng cho máy xét nghiệm AU 480 hoặc tương đương	Photometer Lamp 12v 20W, Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa AU480	Cái	4	
23	Dây bơm dùng cho máy xét nghiệm AU 480 hoặc tương đương	Dây bơm dùng cho máy AU480 của hãng Beckman couter, Made in: Japan	Cái	3	
	Tổng cộng: 23 khoản				

PHỤ LỤC 4



(Kèm theo Công văn số 428 /TTYT-KDVTBĐT ngày 14 /8/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Test nhanh xét nghiệm chẩn đoán virus Viêm gan B hoặc tương đương	Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương- Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương- Độ nhạy: 98.89 %, Độ đặc hiệu: 98.87 % - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04- Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20- Vạch chứng IgG dê kháng chuột- Bảo quản ở nhiệt độ thường- Ngưỡng phát hiện 1ng/ml	Test	1500	
2	Test nhanh xét nghiệm chẩn đoán virus Viêm gan C hoặc tương đương	- Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Độ nhạy: 100%,Độ đặc hiệu: 100 %	Test	1500	
3	Test nhanh xét nghiệm chẩn đoán virus HIV (1/2 3.0) hoặc tương đương	phát hiện định tính tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người. - Độ nhạy: $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99.9\%$ Nằm trong danh sách WHO PQ.	Test	1000	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Test nhanh định tính 5 loại Chất gây nghiện hoặc tương đương	Test nhanh xét nghiệm sàng lọc và định tính các loại ma túy Morphine (MOP/ Amphetamin (AMP)/ Marijuna (THC)/ Codein (COD)/ Heroin (HER) trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: - MOP 300ng/ml ; - AMP 500ng/ml; - THC 50ng/ml; - COD 300ng/ml ; - HER 10ng/ml Độ nhạy: $\geq 99\%$ Độ chính xác: $\geq 99\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$	Test	3000	
5	Anti A xác định nhóm máu hệ ABO hoặc tương đương	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A-11H5	Lọ	10	
6	Anti B xác định nhóm máu hệ ABO hoặc tương đương	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B:	Lọ	10	
7	Anti AB xác định nhóm máu hệ ABO hoặc tương đương	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB: dòng vô tính sifin A-5E10 và dòng vô tính sifin B-2D7	Lọ	10	
8	Anti D (IgM) phát hiện kháng nguyên D hệ Rh hoặc tương đương	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Hộp	1	
	Tổng cộng 08 khoản				